

Bản án số: 83/2018/HSST

Ngày: 11/ 4/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Loan
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 145/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 2 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q ; sinh năm 1973 tại Nam Định. Nơi cư trú: đường T, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị X(đã chết); có vợ Hoàng Thị L và có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2017 đến ngày 24/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn V; sinh năm 1992 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: đường Y, phường T, thành phố T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và

bà Lê Thị H; có vợ: Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án: khùng; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2017 đến ngày 24/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Minh D; sinh năm 1978 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn G xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Mạnh H (đã chết) và bà Phạm Thị P; có vợ: Đoàn Thị H và có 01 con; tiền án: ngày 24/6/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 58 tháng 26 ngày; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2017 đến ngày 24/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Trọng T; sinh năm 1980 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: T, thị Trấn V, huyện V, Thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình K (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ: Nguyễn Thị N và có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2017 đến ngày 24/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Trung T2; sinh năm 1977 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung M và bà Đào Thị T; có vợ: Nguyễn Thị T; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2017 đến ngày 24/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h55' ngày 15/12/2017, Công an thành phố Thanh Hóa bắt quả tang trên xe ô tô BKS 18B – 02027 đang dừng tại bến xe khách phía Bắc, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Các đối tượng Nguyễn Văn Q, Nguyễn Trung T2, Trần Trọng T, Đỗ Minh D và Trần Văn V đang tham gia đánh bạc dưới hình thức ba cây (cầm chương).

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu trên người các đối tượng 77.900.000đ.
- 36 (ba sáu) cây bài tú lơ khơ (từ A – 9).
- 01 (một) xe ô tô BKS 18B – 02027.
- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số AD 17/ 0056144.
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 014022.
- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 3572050.

Tại cơ quan CSĐT các đối tượng khai nhận: Khoảng 12h10' ngày 15/12/2017, Nguyễn Văn Q đang ngồi cùng một số hành khách trên xe ô tô khách BKS 18B – 02027 thì Trần Trọng T và Trần Văn V lên xe ngồi chơi sau đó cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức 3 cây (cầm chương). Cả ba đi về phía đuôi xe lấy một bộ bài tú lơ khơ có sẵn trên xe lọc bộ bài lấy 36 cây từ A đến 9 để chơi, hình thức chơi chia mỗi người ba cây rồi cộng tổng số điểm trên 3 cây bài ai được mười điểm thì người đó cầm chương, người cầm chương sẽ được chia bài cho những người chơi, sau khi đặt cửa mỗi người chơi được chia 3 cây bài, sau đó cộng tổng số điểm của ba cây bài và so điểm với người cầm chương, ai cao điểm hơn người đó thắng, ai thấp điểm hơn người đó thua, nếu bằng nhau thì tính theo rô, cơ, tép, bích, mức đặt cửa thấp nhất 100.000đ. Khi cả ba đang chơi thì Nguyễn Trung T2 và Đỗ Minh D lên xe và vào cùng ngồi chơi. Đến 12h55 nghe tiếng hô “ hình như Công an đến” tất cả vơ tiền để trước mặt cất vào trong người và vứt bài xuống gầm ghế chạy lên giường nằm. Lực lượng Công an yêu cầu mở cửa do hoảng loạn nên không mở, buộc lực lượng Công An phải phá cửa xe, lập biên bản thu giữ 36 cây bài và 77.900.000đ được cất giấu trên người các đối tượng đánh bạc.

Số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc cụ thể như sau:

Đối với Nguyễn Văn Q: Trước khi đánh bạc Q có 9.600.000đ để trong ví dành để phòng đi trên đường và 1,3 triệu đồng để túi quần, Q dùng số tiền 1,3 triệu để đánh bạc, khi đánh được mấy ván thì yêu cầu Lê Văn H là Phụ xe đưa cho Q 20 triệu đồng là tiền khách hàng gửi để đánh tiếp, đến khi bị bắt thu giữ trong người 10.900.000đ, trong đó có 9.600.000đ tiền để trong ví phòng đi đường số tiền này Q không dùng vào việc đánh bạc. Số tiền còn lại là tiền đánh bạc. Như vậy Q đã dùng 21,3 triệu đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt Q thua còn 1,3 triệu đồng.

Đối với Trần Trọng T: Trước khi đánh bạc Trần Trọng T mang theo 27,4 triệu đồng, trong đó có 15 triệu đồng là tiền khách hàng gửi để trong ví và 12,4 triệu đồng để trong túi quần, T đã dùng số tiền 12,4 triệu để đánh bạc. Khi bị bắt T bị

thu giữ 26 triệu đồng (trong đó có 15 triệu tiền khách gửi), khi bị bắt T thua 1,4 triệu đồng, còn có 11 triệu đồng.

Đối với Trần Văn V: Trước khi đánh bạc V mang theo người hơn 30 triệu đồng, trong đó có 25 triệu đồng tiền hàng của khách, V không dùng vào việc đánh bạc, số tiền còn lại hơn 5 triệu V dùng vào đánh bạc. Khi bị bắt V đánh bạc thắng hơn 2 triệu đồng. Công an thu giữ 34 triệu (trong đó có 25 triệu tiền hàng của khách), số tiền 9 triệu còn lại là tiền đánh bạc bị thu giữ.

Đối với Nguyễn Trung T2: Trước khi đánh bạc T2 mang theo người 4 triệu đồng để đánh bạc, khi bị bắt T2 đánh thắng 2 triệu, tổng bị thu giữ 6 triệu đồng.

Đối với Đỗ Minh D: Trước khi đánh bạc D mang theo người 1 triệu đồng, khi tham gia đánh bạc D cầm bài đánh giúp V đọi thay người cầm chương, khi thay người cầm chương mới chia bài xong thì bị bắt nên vẫn còn 1 triệu đồng.

Trong quá trình điều tra cơ quan CSĐT xác định số tiền thu của Nguyễn Văn Q 9.600.000đ; Trần Trọng T 15.000.000đ; Trần Văn V 25 .000.000đ, Lê Văn H 12.000.000đ. Tổng bằng 61. 600.000đ là tiền các đối tượng không dùng vào việc đánh bạc nên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các đối tượng.

Tổng số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 44.400.000 đồng. Tuy nhiên khi lực lượng công an bắt giữ thu giữ trên người các đối tượng được 28.300.000 đồng tiền dùng vào việc đánh bạc.

Đối với xe ô tô BKS 18B – 020.27 các đối tượng sử dụng để làm địa điểm đánh bạc: Quá trình điều tra cơ quan CSĐT xác minh chủ sở hữu chiếc xe là của Hợp tác xã vận tải H, địa chỉ ở T, thành phố N. Hợp tác xã H có hợp đồng với Nguyễn Văn Q làm lái xe khai thác vận chuyển hành khách. Việc Q và một số đối tượng tham gia đánh bạc trên xe hợp tác xã H không biết và cũng không được hưởng lợi. Do đó cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe cho đại diện ủy quyền của hợp tác xã H là ông Nguyễn Văn C. Ông C đã nhận lại xe và không yêu cầu gì về hư hỏng của xe.

Tại bản cáo trạng số 63/ CT-VKS- TA ngày 09/2/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Trọng T, Trần Văn V, Nguyễn Trung T2, Đỗ Minh D về tội “ đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999. Trong phần luận tội đại diện VKS ND thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm p,(điểm h khoản 1 Điều 46 đối với các bị cáo Q, T2,

T, V) khoản 1 Điều 46;(điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, khoản 5 Điều 60, Điều 51, Điều 50 BLHS đối với Đỗ Minh D) Điều 53BLHS; .

Đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo:

- Nguyễn Văn Q từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, và ấn định thời gian thử thách là 4 năm đến 5 năm.

- Trần Văn V từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, và ấn định thời gian thử thách là 24 tháng đến 30 tháng.

- Đỗ Minh D từ 09 tháng đến 12 tháng; tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 155/2013/HSST ngày 24/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Trần Trọng T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng.

- Nguyễn Trung T2 từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 36 cây; Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền đánh bạc và dùng vào việc đánh bạc thu của các bị cáo 28.300.000đồng

Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo khai: Vào khoảng 12h5' ngày 15/12/2017 các bị cáo đã dùng xe ô tô BKS 18B – 02027 làm địa điểm để cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức ba cây, số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 44.400.000đồng Đến khoảng 12h55' thì bị Công an thành phố Thanh Hóa khám xét, bắt giữ thu trên người các đối tượng 77.900.000 đồng trong đó có số tiền đánh bạc là 28.300.000 đồng và thu trên xe 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tang vật cùng các chứng cứ khác có đủ cơ sở khẳng định vào khoảng 12h5' ngày 15/12/2017 các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Trung T2, Trần Trọng T, Đỗ Minh D và Trần Văn V đã có hành vi đánh bạc trái phép trên xe ô tô BKS 18B – 02027 đang đậu trên bến xe khách phía Bắc thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Trung T2, Trần Trọng T, Đỗ Minh D và Trần Văn V đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi nêu trên của các bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Đánh bạc” tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999. Vì vậy VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố các bị cáo, cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa khởi tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cùng thực hiện do đó có vai trò ngang nhau. Tuy nhiên cũng cần áp dụng điều 53 BLHS để xem xét phân hóa vai trò, mức hình phạt với hành vi của từng bị cáo.

Trong vụ án này Nguyễn Văn Q dùng số tiền đánh bạc 21.400.000 đồng nên Q phải chịu TNHS cao hơn các bị cáo khác và giữ vai trò đầu vụ, các bị cáo T, V, T2, D cùng tham gia đánh bạc, số tiền đánh bạc ít hơn bị cáo Q nên có vai trò ngang nhau và sau Q. Bị cáo V số tiền đánh bạc và thời gian tham gia đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác, tình tiết giảm nhẹ cũng ít hơn các bị cáo khác nên mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là phù hợp.

Các bị cáo T2 và T thời gian tham gia đánh bạc và số tiền dùng để đánh bạc ít hơn, bị cáo D thời gian tham gia đánh bạc một ván và số tiền đánh bạc dùng vào việc đánh bạc là một triệu đồng, do đó các bị cáo T2, T này có mức hình phạt ngang nhau và cao hơn bị cáo D.

Đối với bị cáo D mặc dù thời gian và số tiền đánh bạc ít nhưng bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm đây là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, vì vậy áp dụng Điều 33 BLHS năm 1999 cách ly bị cáo ra khỏi xã

hội một thời gian, như vậy mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo Q, V, T, T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo,(bị cáo T, T2 ăn năn hối hận với hành vi của mình gây ra quyết tâm sửa chữa lỗi lầm của mình điều này đã được chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú xác nhận). Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội, cần áp dụng (khoản 1,2 Điều 60 BLHS) để các bị cáo cải tạo tại nơi cư trú dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện để các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tình tiết giảm nhẹ chung cho các bị cáo thành khẩn khai báo theo điểm p khoản 1 Điều 46,(bị cáo Q, T, T2, V phạm tội lần đầu điểm h khoản 1 Điều 46) (bị cáo T, T2 ăn năn hối cải quyết tâm sửa chữa lỗi lầm của mình, điều này đã được chính quyền địa phương xác nhận) BLHS

Đối với bị cáo Đỗ Minh D tại bản án số 155/2013/HSST ngày 24/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa bị cáo bị xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 58 tháng 26 ngày. Đến ngày 15/12/2017 bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc nay bị đưa ra xét xử, như vậy bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm. Do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên cần áp dụng khoản 5 Điều 60, khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS, tổng hợp hình phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 155/2013/HSST ngày 24/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa và hình phạt của bản án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, lần đầu phạm tội vì vậy miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng: Đối với bộ bài Tú Lơ Khe 36 quân các bị cáo dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

Số tiền thu của các bị cáo 28.300.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm p (điểm h đối với Q, T, T2, V) khoản 1 (khoản 1 đối với T, T2) Điều 46, (điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, khoản 5 Điều 60, khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS đối với D) (khoản 1,2 Điều 60 BLHS đối với Q, V, T, T2) Điều 53 BLHS năm 1999, khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn V, Đỗ Minh D, Nguyễn Trung T2, Trần Trọng T phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt: 1. Nguyễn Văn Q 24(Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án HS.

2. Trần Văn V 15 (mười lăm) tháng tù như cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường T, thành phố T giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án HS.

3. Đỗ Minh D 09(chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù treo của bản án số 155/2013/HSST ngày 24/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 39(ba mươi chín) tháng. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án số 155/2013/HSST ngày 24/6/2013 là 17 ngày(15/01/2013 đến ngày 01/2/2013) và thời gian tạm giữ của vụ án này 09 ngày (từ 15/12/2017 đến 24/12/2017), tổng là 26 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Trần Trọng T 12(mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án HS.

5. Nguyễn Trung T2 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện V, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án HS.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy bộ bài Tú Lơ Khơ 36 quân

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 28.300.000 đồng

Hiện vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng số 103 ngày 02/4/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự Tp Thanh Hoá và Công an thành phố Thanh Hoá.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- THATPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt